TÒA PHÚC THẨM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 236/2025/DS-PT
Ngày: 26/11/2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: *Ông Đặng Đình Lực;*

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Cường;

Ông Nguyễn Nam Thành.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hà Trang, Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện thẩm và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Vĩnh, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2025, tại điểm cầu trung tâm: Trụ sở Tòa thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội và điểm cầu thành phần: Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai, xét xử phúc thẩm, công khai, trực tuyến vụ án dân sự thụ lý số ngày 02 tháng 10 năm 2025 về việc: "Tranh chấp quyền sử dụng đất; yêu cầu hủy quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai và yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất". Do có kháng cáo của bị đơn, đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2025/DS-ST ngày 16 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5362/2025/QĐ-PT ngày 07 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Hà Minh Q, sinh năm 1957; Địa chỉ: Tổ B, phường L, tỉnh Lào Cai (trước đây là Tổ 20, phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai). Vắng mặt;

- *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Ma Ngọc Mạnh L, sinh năm 1982. Địa chỉ: Tổ A, phường S, tỉnh Lào Cai (trước đây là Tổ A, phường S, thị xã S, tỉnh Lào Cai). Có mặt;

2. Bị đơn: Ông Thào A S, sinh năm 1979. Địa chỉ: Thôn S, xã T, tỉnh Lào Cai (trước đây là Thôn S, xã H, thị xã S, tỉnh Lào Cai). Vắng mặt;

- *Người đại diện theo ủy quyền:* Anh Sùng Văn N, sinh năm 1994 – Địa chỉ: Xóm T, xã D, tỉnh Thái Nguyên (trước đây là Xóm T, xã D, huyện V, tỉnh Thái Nguyên). Có mặt;

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích của bị đơn:* Luật sư , Công ty L3 - Đoàn Luật sư thành phố H; Địa chỉ: LK28.39 Khu đô thị H, thôn L, xã H, thành phố Hà Nội. Vắng mặt;

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Lào Cai *(Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Ủy ban nhân dân thị xã S, tỉnh Lào Cai); Người đại diện theo pháp luật:* Ông Cao Bá Q1, chức vụ: Chủ tịch. Vắng mặt;

3.2. Bà Nguyễn Thị P, bà Hà Quỳnh A: Cùng địa chỉ: Địa chỉ: Tổ B, phường L, tỉnh Lào Cai (trước đây là Tổ 20, phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai). Vắng mặt;

3.3. Anh Thào A A1, chị Thào Thị C; Cùng địa chỉ: Thôn S, xã T, tỉnh Lào Cai (trước đây là Thôn S, xã H, thị xã S, tỉnh Lào Cai). Vắng mặt;

3.4. Bà Giàng Thị D, chị Lồ Thị D1, anh Thào A V1, anh Thào A P1, anh Thào A S1, chị Sùng Thị M, anh Thào A L1. Cùng địa chỉ: Thôn S, xã T, tỉnh Lào Cai (trước đây là Thôn S, xã H, thị xã S, tỉnh Lào Cai). Vắng mặt;

3.5. Bà Lý Thị D2 - Địa chỉ: Thôn S, xã T, tỉnh Lào Cai (trước đây là Thôn S, xã H, thị xã S, tỉnh Lào Cai). Vắng mặt;

** Người đại diện theo ủy quyền của bà Giàng Thị D, bà Lý Thị D2, chị Lồ Thị D1, anh Thào A Anh Thào A V1, anh Thào A P1, chị Sùng Thị M, anh Thào A L1 là:* Ông Thào A S, sinh năm 1979. Địa chỉ: Thôn S, xã T, tỉnh Lào Cai (trước đây là Thôn S, xã H, thị xã S, tỉnh Lào Cai). Vắng mặt;

* Người phiên dịch (theo phân công của Sở tộc giáo tỉnh Lào Cai) - Địa chỉ: A, phường C, tỉnh Lào Cai (trước đây là 15, phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai); vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Nguyên đơn ông Hà Minh Q trình bày và yêu cầu:

Năm 1986, ông Q khai phá được một khu đất diện tích khoảng 2,5 ha tại xóm B, thị trấn S, huyện S (nay là tổ B, phường S, thị xã S). Năm 1992, theo chủ trương phủ đất trống, đồi trọc của Nhà nước, ông Q làm thủ tục xin cấp đất, được UBND huyện S ra Quyết định cấp đất làm vườn rừng số 22, đối với diện tích đất 2,5 ha. Trong đó, đất trồng cây gây rừng là 0,5 ha, đất trồng cây ăn quả

là 1,0 ha, đất nương định canh là 1,0 ha. Sau khi được cấp đất, gia đình ông Q đã mua các loại giống cây, thực hiện trồng theo phương thức nông, lâm kết hợp thâm canh cao (trồng cây ăn quả, cây ngô và trồng xen cây thông sa mộc, trầu và tống quá sủ) theo đúng diện tích, mục đích đã được cấp không để đất hoang hóa. Đến năm 2004, các loại cây lâu năm khép tán và phủ kín đất trồng, nên gia đình không trồng cây hàng năm nữa, nhưng vẫn tiếp tục chăm sóc và quản lý vườn rừng để đảm bảo cây phát triển tốt. Đến khoảng đầu năm 2018, một số hộ gia đình người Mông đến đất vườn rừng của ông Q, chặt phá cây làm củi và lấn chiếm đất để trồng ngô. Sau khi phát hiện các hộ dân người Mông khác chặt phá, khai thác gỗ và lấn chiếm đất, ông Q đã làm đơn đề nghị các cơ quan chức năng điều tra, xác minh để bảo vệ quyền lợi của mình. Ngày 07/8/2019, đại diện Hạt Kiểm lâm huyện S, đại diện Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện S, đại diện Trung tâm Phát triển quỹ đất, đại diện Ban Q3, đại diện UBND xã L, đại diện UBND thị trấn S, đại diện UBND xã S đã làm việc với ông Q, xác định trên diện tích vườn rừng của ông Q có 10 hộ dân lấn chiếm để trồng ngô, trong đó có ông Thào A S (có sơ đồ kèm theo biên bản làm việc). Diện tích đất mà ông Thào A S tranh chấp với ông Q là: 5.181,9 m^2. Đầu năm 2020 đến năm 2021, các đối tượng này tiếp tục chặt phá, khai thác rừng, nên ông Q đã nhiều lần gửi đơn trình báo kèm theo ảnh hiện trạng rừng đến Hạt Kiểm lâm thị xã S, Công an phường S. Ngày 10/3/2021, Hạt Kiểm lâm thị xã S đã tiến hành làm việc với hộ gia đình ông Q, thống nhất biện pháp trồng lại rừng trên diện tích đất đã được cấp làm vườn rừng, bị các đối tượng khai thác, chặt phá, hủy hoại. Ngày 19/3/2021, ông Q nhận 5000 cây T, Sa mộc của H lâm thị xã S để tiến hành trồng lại trên diện tích đất vườn rừng đã bị chặt phá. Ngày 20/3/2021, ông Q thuê người đưa cây lên trồng thì bị một số người dân tộc Mông đến ngăn cản, uy hiếp không cho trồng cây và nhổ hết số cây đã trồng. Đồng thời, những người này không cho quay phim, chụp ảnh. Hành vi lấn chiếm, cản trở của ông S và các hộ dân người Mông khác, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông Q. Ông đã gửi đơn đề nghị UBND phường S tiến hành hòa giải tranh chấp. Ngày 16/7/2021 và ngày 20/7/2021, UBND phường S đã tiến hành hòa giải giữa ông Q và ông Thào A S, nhưng không thành. Ông Q đã làm đơn khởi kiện đến Tòa án giải quyết, buộc ông S trả lại diện tích đất tranh chấp là 5.181,9m^2 tại tổ B, phường S, thị xã S, tỉnh Lào Cai. Sau khi xem xét thẩm định tại chỗ, xác định diện tích đất hiện nay ông S đang sử dụng là 2.240m^2, do đó ông Q đề nghị buộc ông S trả lại diện tích đất thực tế ông S đang lấn chiếm.

2. Bị đơn ông Thào A S trình bày và quan điểm:

Về nguồn gốc thửa đất: Gia đình ông S có phần diện tích mảnh đất nương khoảng 4.500m^2 tại địa chỉ: Tổ B, phường S, thị xã S, hiện tại do vợ chồng ông Thào A S và bà Giàng Thị D, sinh năm 1977 và vợ chồng ông Thào A D3, sinh

năm 1965, bà Lý Thị D2, sinh năm 1964 cùng địa chỉ tại: Thôn L, xã H, Thị xã S, Tỉnh Lào Cai đang trực tiếp quản lý, sử dụng. Nguồn gốc thửa đất này là do bố mẹ ông S là ông Thào A C1, sinh năm 1935 (đã chết) và bà Giàng Thị D4, sinh năm 1934 (đã chết) tự khai hoang từ năm 1938, sau khi khai hoang bố mẹ ông S đã sử dụng canh tác, năm 1986 thì để lại cho ông S và vợ chồng ông D3 tiếp tục canh tác, quản lý, sử dụng liên tục lâu năm chủ yếu là trồng ngô, không có ai đến tranh chấp. Đến khoảng năm 1993- 1994, Công ty Cổ phần D7 đến trồng cây thông vào trên phần diện tích đất nêu trên, nhưng không có thông báo hay quyết định thu hồi đất gì, nên gia đình ông S vẫn tiếp tục canh tác bình thường, vẫn bảo vệ những cây mà được trồng cho đến khi cây lớn lên che phủ nương cây ngô không lên được nữa, thì tạm thời không canh tác nữa. Đến năm 2015 – 2016, gia đình tiếp tục canh tác, năm 2018 đã được Trung tâm quản lý đất đai thị xã S, tỉnh Lào Cai đến đo đạc, kiểm đếm sau đó giao cho gia đình ông S tiếp tục quản lý, sử dụng. Quá trình khai thác, sử dụng đất do bố mẹ ông S để lại từ năm 1938 cho đến nay, có sự chứng kiến của bà Sùng Thị L2, sinh năm 1965; bà Má Thị S2, sinh năm 1959 và ông Má A S3, sinh năm 1964. Việc ông Hà Minh Q cho rằng, hiện nay gia đình ông S đang lấn chiếm phần diện tích khoảng: 2.240m^2 đất tại Tổ B, phường S, thị xã S, tỉnh Lào Cai của ông Q, đã được UBND thị xã S giao tại Quyết định cấp đất làm vườn rừng số B, đối với diện tích 2,5 ha do ông Q khai phá từ năm 1986 là hoàn toàn không đúng. Theo quy định của pháp luật đất đai, các văn bản hướng dẫn thi hành từ năm 1987 cho đến nay, việc giao đất phải xác định ranh giới, mốc giới thửa đất cụ và phải được thực hiện một cách công khai, minh bạch theo quy định tại 8 Luật Bảo vệ và phát triển rừng 1991. Tuy nhiên, gia đình ông S hoàn toàn không được biết việc UBND thị xã S, tỉnh Lào Cai đã giao đất cho ông Q, chỉ sau khi ông Q khởi kiện, mới biết phần diện tích đất nêu trên, được UBND thị xã S giao cho ông Q tại Quyết định cấp đất làm vườn rừng số B. Trong khi gia đình ông là người trực tiếp khai hoang, quản lý, sử dụng từ năm 1938 cho đến nay, chưa từng có bất kỳ ai đến tranh chấp, cũng chưa bị thu hồi bởi quyết định nào của Cơ quan Nhà nước cấp có thẩm quyền, việc ông Q cho rằng sau khi được cấp đất, mua các loại giống cây và thực hiện trồng theo phương thức nông, lâm kết hợp thâm canh cao (trông cây ăn quả, cây ngô và trông xen cây sa mộc, trầu và tổng quán sủ) theo đúng diện tích và mục đích đã được cấp không để đất hoang hóa, đến năm 2004, các loại cây lâu năm khép tán và phủ kín đất trồng, nên gia đình ông Q không trồng cây hàng năm nữa, nhưng vẫn tiếp tục chăm sóc và quản lý vườn rừng để đảm bảo phát triển tốt. Tuy nhiên, qua việc kiểm tra tại thực địa thửa đất đang tranh chấp với gia đình ông S và các hộ dân khác, ông Q không xác định được ranh giới giao đất theo Quyết định số 22. Ông Q và UBND huyện S (nay là thị xã S) cũng không xuất trình được tài liệu chứng minh khoản tiền Nhà nước

đã chi trả cho ông Q về việc trồng rừng, bảo vệ môi trường rừng theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp. Việc ông Q cho rằng năm 2018, một số hộ gia đình người Mông đến đất vườn rừng của ông Q, chặt phá cây làm củi và lấn chiếm đất để trồng ngô, ông Q đã làm đơn đề nghị các cơ quan chức năng điều tra, xác minh xử lý. Tuy nhiên, vào năm 2019, các Cơ quan chức năng của Hạt kiểm lâm thị xã S tiến hành tra hiện trạng quản lý vườn rừng, thống nhất trồng lại rừng trên diện tích đất của ông Q, gia đình ông S hoàn toàn không biết. Trong quá trình giải quyết tranh chấp, ông S cũng chưa nhận được bất kỳ giấy mời hoặc thông báo nào, việc UBND phường S tổ chức hòa giải tranh chấp đất đai với ông Q, theo quy định của pháp luật đất đai trước khi Tòa án thụ lý vụ án. Đối với Quyết định cấp đất vườn rừng số 22 của UBND huyện S, tỉnh Lào Cai không có cụ thể ngày, tháng, năm cấp, chữ ký tại Quyết định do ai ký thay Chủ tịch chưa làm rõ chữ ký, không có con dấu xác nhận của UBND huyện S, nên không đảm bảo tính pháp lý về chứng cứ. Bên cạnh đó, tại Thông báo số 132/TB-TTLTLS ngày 24/11/2021 của Trung tâm lưu trữ lịch sử thuộc Sở Nội vụ tỉnh L, đã khẳng định kết quả: *"Không có hồ sơ, tài liệu liên quan đến cấp đất vườn rừng số 22/2,5 ngày 25/0/1992 của UBND huyện S cho hộ ông Hà Minh Q".* Ngoài ra, bị đơn cho khẳng định chữ ký tại phần "Chủ hộ (ký tên" trong Đơn xin cấp đất vườn rừng ngày 25/05/1992 của ông Hà Minh Q không phải là chữ ký của ông Hà Minh Q so với chữ ký của ông Q tại Đơn khởi kiện ngày 15/10/2024. Bên cạnh đó, việc UBND huyện S cấp đất cho ông Q, căn cứ theo Quyết định số 137/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng, kế hoạch hướng dẫn ngày 10/05/1983 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Tuy nhiên, qua nghiên cứu các quy định của pháp luật, không có quyết định số 137/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng được ban hành vào năm 1983, việc hướng dẫn của UBND tỉnh L ngày 10/05/1983 cũng không có tài liệu nào chứng minh theo quy định tại Điều 95 Bộ luật tố tụng dân sự. Từ những phân tích trên, đề Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hà Minh Q. Chấp nhận yêu cầu của ông S về việc: Hủy Quyết định cấp đất vườn rừng số 22 của UBND huyện S, tỉnh Lào Cai cho hộ ông Hà Minh Q thuộc xóm B, thị trấn S, huyện S (Số quản lý vườn rừng cho hộ gia đình số 2/2,5 ngày 15 tháng 05 năm 1992 của Ủy ban nhân dân huyện S cấp cho chủ hộ ông Hà Minh Q theo quy định của pháp luật. Công nhận toàn bộ quyền sử dụng đất đối với diện tích 2.240m^2 cho gia đình ông S được quản lý sử dụng theo quy định của pháp luật. Kiến nghị Cơ quan đăng ký đất đai cấp có thẩm quyền thực hiện thủ tục đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông S theo quy định pháp luật.

3. Ngườicó quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị P và chị Hà Quỳnh A trình bày: Đều nhất trí với lời trình bày của nguyên đơn ông Hà Minh Q. Đề nghị Toà án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và bác toàn bộ đề nghị của bị đơn.

3.2. Bà Giàng Thị D, bà Lý Thị D2, anh Thào A V1, anh Thào A P1, chị Lồ Thị D1, chị Thào Thị C, anh Thào A A1, anh Thào A S1, anh Thào A L1, chị Sùng Thị M trình bày: Nhất trí với trình bày của bị đơn. Đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận các đề nghị của bị đơn.

3.3. Đại diện Ủy ban nhân dân thị xã S trình bày:

- Đối với việc cấp sổ quản lý vườn rừng cho hộ ông Hà Minh Q: Căn cứ biên bản làm việc ngày 24/6/2019 của Hạt Kiểm lâm huyện S (nay là thị xã S) về việc kiểm tra, xác minh làm rõ nội dung liên quan đến hồ sơ cấp sổ quản lý vườn rừng của ông Hà Minh Q tại khu vực núi H; Biên bản làm việc ngày 24/6/2019 của Hạt Kiểm lâm huyện S (nay là thị xã S), về việc xác minh một số nội dung liên quan đến hồ sơ cấp Sổ quản lý vườn rừng cho hộ ông Hà Minh Q, ông Giàng Xuân C2 tại khu vực núi H; Biên bản làm việc ngày 07/8/2019 của tổ công tác theo định số 1558/QĐ-UBND ngày 02/8/2019 của UBND huyện S về việc kiểm tra, xác minh hồ sơ, hiện trạng sử dụng đất vườn rừng của ông Hà Minh Q tại du lịch sinh thái Hàm Rồng xác định: Năm 1992, hộ gia đình ông Hà Minh Q được UBND huyện S (nay là thị xã S) cấp số quản lý vườn rừng gồm có: Đơn xin cấp đất làm vườn rừng, Quyết định cấp đất làm vườn rừng và sơ đồ vườn rừng. Về Đơn xin cấp đất làm vườn rừng: Ghi ngày 25/5/1992, chủ hộ làm đơn có ký nhưng không ghi rõ họ tên, đã được ông Văn K tịch UBND thị S ký xác nhận; Về Quyết định cấp đất làm vườn rừng: Mang số hiệu 22, không ghi ngày, tháng, năm cấp và đã được ông Nguyễn Văn H1, tịch UBND huyện S ký quyết định với tổng diện tích đất để xây dựng vườn rừng là 2,5 ha. Tuy nhiên, tại mục đất trồng cây gây rừng đã bị chỉnh sửa; đất trồng cây ăn quả, cây công nghiệp và đất nương định canh đã ghi thêm thông tin; Về Sơ đồ vườn rừng: Tỷ lệ 1/1000 và 1/500 thực hiện khoanh vẽ bằng tay, không có độ, không ghi số diện tích, ranh giới chỉ ghi giáp hộ liền kề (ông C2, bà H2).

- Về việc sử dụng đất của ông Hà Minh Q trên diện tích được cấp sổ quản lý vườn rừng: Theo Biên bản làm việc ngày 07/8/2019 của tổ công tác theo định số 1558/QĐ-UBND ngày 02/8/2019 của UBND huyện S về việc kiểm tra, xác minh hồ sơ, hiện trạng sử dụng đất vườn rừng của ông Hà Minh Q tại du lịch sinh thái Hàm Rồng xác định: Vị trí, diện tích đất vườn rừng được cấp năm 1992 ngoài thực địa trùng khớp với hồ sơ sổ vườn rừng là 2,5 ha, trong đó có 2,289 ha nằm trùng với diện tích 81,87 ha đã cấp cho Khu D. Sau khi được UBND huyện S cấp số quản lý vườn rừng ông Q đã thực hiện cây gây rừng theo quy định và đã thực hiện chăm sóc bảo vệ cây trồng. Hiện trạng trên đất tại thời điểm ngày

07/8/2019 gồm có: Cây Sa M1, T1, Tống Quá S4 mọc tái sinh và cây ngô trông dưới tán rừng.

- Về quản lý bảo vệ đất vườn rừng: Ông Q chưa đào hào và rào bảo vệ xung quanh thửa đất, đã bị một số hộ dân xâm chiếm trồng cây ngô. Căn cứ các nội dung nêu trên, xác định hộ gia đình ông Hà Minh Q2 được UBND huyện S (nay là thị xã S) cấp sổ quản lý vườn rừng tại vị trí khu vực núi và đã thực hiện rừng trên diện tích được giao. Do đó, nghị Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai bác yêu của bị đơn là ông Thào A S, về việc Hủy quyết định cấp đất vườn rừng số 22 của UBND huyện S, tỉnh Lào Cai cho hộ ông Hà Minh Q thuộc xóm B, thị trấn S, huyện S (sổ quản lý vườn rừng cho hộ gia đình số 2/2,5 ngày 15/5/1992 của UBND huyện S, tỉnh Lào Cai).

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải giữa các đương sự nhưng không tiến hành phiên họp được.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2025/DS-ST ngày 16 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai, đã quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, Điều 34, Điều 37, Điều 147, Điều 157, Điều 158 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 32, Điều 193 Luật Tố tụng hành chính; Luật đai 1987 và Quyết định số 184-HĐBT ngày 06/11/1982 của Hội đồng Bộ trưởng; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hà Minh Q về việc: Buộc bị đơn ông Thào A S trả lại diện tích đất tranh chấp là 2.240 m^2 tại tổ B, phường S, thị xã S, tỉnh Lào Cai, diện tích đất đã được UBND huyện S (nay là thị xã S) giao cho hộ ông Hà Minh Q theo quyết định cấp đất vườn rừng số 22 của UBND huyện S, tỉnh Lào Cai (sổ quản lý vườn rừng cho hộ gia đình số 2/2,5 ngày 15/5/1992 của UBND huyện S, tỉnh Lào Cai). *(Vị trí, ranh giới thửa đất Sơ đồ kèm theo)*

- Không chấp nhận yêu cầu của bị đơn Thào A S, về việc: Hủy Quyết định cấp đất vườn rừng số 22 của UBND huyện S, tỉnh Lào Cai cho hộ ông Hà Minh Q thuộc xóm B, thị trấn S, huyện S (Sổ quản lý vườn rừng cho hộ gia đình số 2/2,5 ngày 15 tháng 05 năm 1992 của Ủy ban nhân dân huyện S cấp cho chủ hộ ông Hà Minh Q) theo quy định của pháp luật. Công nhận toàn bộ quyền sử dụng đất đối diện tích 2.240 m^2, có địa chỉ tại tổ B phường S, thị xã S, tỉnh Lào Cai cho gia đình ông S được quản lý sử dụng theo quy định của pháp luật và kiến nghị Cơ quan đăng ký đất đai cấp có thẩm quyền thực hiện thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông S theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/5/2025, bị đơn ông Thào A S kháng cáo hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Nguyên đơn đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội phát biểu quan điểm: Về tố tụng quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến phiên tòa, Thẩm phán - Chủ tọa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Về hướng giải quyết vụ án, sau khi phân tích nội dung vụ án, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung kháng cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới làm thay đổi nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Không chấp nhận kháng cáo của ông Thào A S và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện và tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của bị đơn trong thời hạn luật định, được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Luật sư và người liên quan vắng mặt nhưng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, Hội đồng xét xử căn cứ Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt theo quy định.

[2]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, quan điểm yêu cầu của bị đơn. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ quy định Điều 26, Điều 34, Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 32 Luật Tố tụng hành chính; Điều 203 Luật Đất đai năm 2013 xác định thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp, đối tượng khởi kiện để thụ lý, giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Xét kháng cáo của bị đơn, xét thấy, căn cứ các tài liệu chứng đã thu thập, Hội đồng xét xử phúc thẩm hoàn toàn đồng tình với các nhận định, phân tích đánh giá các chứng cứ của cấp sơ thẩm về các nội dung sau:

[3.1] Xác định về diện tích đất tranh chấp: Theo đơn khởi kiện, ban đầu ông Hà Minh Q yêu cầu buộc gia đình ông Thào A S trả lại cho ông Q diện tích đất lấn chiếm là 5.181,9m^{2}địa chỉ thửa đất tại tổ B, phường S, thị xã S, tỉnh Lào Cai. Sau khi Toà án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ Nguyên đơn và bị đơn đều xác định diện tích đất tranh chấp theo kết quả thẩm định tại chỗ là

2.240,0m^2. Do đó xác định diện tích đất tranh chấp giữa các đương sự là 2.240m^2.

[3.2] Về nguồn gốc: Quá trình giải quyết vụ án, ông Q và ông T2 đều trình bày nguồn gốc diện tích đất tranh chấp là do gia đình khai phá. Tuy nhiên, các đương sự đều không cung cấp được chứng cứ chứng minh về việc khai phá đối với diện tích đất tranh chấp của gia đình mình.

[3.3] Về quá trình sử dụng đất: ông Hà Minh Q trình bày gia đình đã sử dụng đất ổn định, liên tục từ khi khai hoang đến năm 1992, được nước giao đất vườn rừng theo định số 22. Năm 2018, một số hộ gia đình người Mông trong đó có hộ gia đình ông Thào A S, đến đất vườn rừng của ông Q để chặt phá cây làm củi và lấn chiếm đất để trồng ngô. Kèm theo đơn khởi kiện, ông Hà Minh Q cung cấp giấy xác nhận của người làm chứng ông Nguyễn Tiến S5, ông Đỗ Tràng C3 và ông Giàng Xuân C2 là những hộ có đất liền kề, ông S5 và ông C3 đều xác định rằng ông Q là người quản lý sử dụng diện tích đất tranh chấp từ năm 1992 để trồngThông, S… sau khi cây lớn hàng năm ông Q vẫn vào chăm sóc cây. Tuy nhiên, ông Thào A S trình bày gia đình đã sử dụng diện tích đất từ thời điểm bố mẹ ông khai hoang năm 1938, đến năm 1986 thì cho ông tiếp tục canh tác sử dụng cho đến nay. Trong thời gian canh tác khoảng năm 1993-1994, Công ty cổ phần D7 đến trồng cây T vào diện tích đất trên, nhưng vì không có quyết định thu hồi nào của Nhà nước, nên gia đình vẫn quản lý sử dụng đến khi cây lớn che phủ nương ngô, thì tạm thời không canh tác, đến năm 2015-2016 gia đình mới tiếp tục quản lý sử dụng đến nay. Trong quá trình quyết vụ án, ông Thào A S cung cấp giấy xác nhận của một số người làm chứng ông Thào A C4, ông Thào A P2, ông Giàng A C5, bà Má Thị D5, ông Vàng Seo M2, ông Thào A S6, ông Giàng A D6, ông Giàng A S7, ông Giàng A S8,ông Vàng A G, bà Vàng Thị S9, bà Giàng Thị S10, bà Sùng Thị C6, ông Sùng A C7 về việc ông Thào A S quản lý và sử dụng diện tích đất tại tổ B phường S, thị xã S từ năm 1986 để trồng ngô, có nguồn gốc do ông bà nội ông S là ông Thào A C1, bà Giàng Thị D4 khai phá từ năm 1938.

[3.4] Căn cứ các tài liệu, chứng cứ thể hiện: Năm 2019, ông Hà Minh Q đã có đơn đề nghị gửi các cơ quan có thẩm quyền huyện S, về việc các hộ dân lấn chiếm đất của gia đình. Theo đề nghị của ông Q, ngày 24/6/2019, giữa đại diện Hạt Kiểm lâm huyện S và các cán bộ công chức nguyên công tác tại Hạt Kiểm lâm huyện S thời điểm năm 1992 gồm có: Ông Thào A S11, ông Nguyễn Viết H3, ông Nguyễn Hữu P3, bà Phạm Thị Đ, bà Bùi Thị H4, bà Trần Thị V2. Kết quả làm việc xác định: Thời điểm năm 1992, bà Phạm Thị Đ - cán bộ kỹ thuật Hạt Kiểm lâm huyện S là người trực tiếp vận động, tham mưu cấp sổ vườn rừng cho hộ ông Hà Minh Q và ông Giàng Xuân Chư . Cùng ngày 24/6/2019, Hạt

Kiểm lâm huyện S đã lập biên bản làm việc về việc kiểm tra, xác minh làm rõ nội dung liên quan đến hồ sơ cấp sổ quản lý vườn rừng của ông Hà Minh Q, kết quả làm việc xác định: "Ông Hà Minh Q cung cấp 01 sổ quản lý vườn rừng (bản gốc) gồm: Đơn xin cấp đất làm vườn rừng, Quyết định cấp đất làm vườn rừng, sơ đồ vườn rừng; Về Đơn xin cấp đất làm vườn rừng: Đơn ghi ngày 25/5/1992, chủ hộ làm đơn có ký nhưng không ghi rõ họ tên, đã được ông Nguyễn Văn K chủ tịch UBND thị trấn S ký xác nhận; Về Quyết định cấp đất làm vườn rừng: Mang số hiệu 22, không ghi ngày, tháng, ghi năm cấp 1992 và đã được ông Nguyễn Văn H1, phó chủ tịch UBND huyện S ký quyết định với tổng diện tích đất để xây dựng vườn rừng là 2,5 ha để xây dựng vườn rừng, trong đó: Hạng mục đất trồng cây, gây rừng; đất trồng cấy ăn quả, cây công nghiệp; đất nương định canh đã bị sửa chữa, ghi thêm, bớt thông tin. Về Sơ đồ vườn rừng: Tỷ lệ 1/1000 và 1/500 thực hiện khoanh vẽ bằng tay, không có tọa độ, không ghi số diện tích, ranh giới chi ghi giáp hộ liền kề (ông C1, bà H2)... Trên cơ sở các thông tin liên quan đến việc cấp sổ quản lý vườn rừng của ông Hà Minh Q. Hạt kiểm lâm huyện S tiếp tục phối hợp với cán bộ kỹ thuật Hạt kiểm lâm huyện S thời điểm năm 1992, UBND thị trấn, phòng T, Chi cục Kiểm lâm L4 xác định vị trí cụ thể ngoài thực địa theo quy định". Tại Biên bản làm việc ngày 25/6/2019, có đại diện Chi cục Kiểm lâm L4, đại diện Hạt kiểm lâm huyện S, đại diện Phòng T, đại diện Phòng Nông nghiệp, đại diện UBND thị trấn S và hộ ông Giàng Xuân C2, ông Hà Minh Q, về việc kiểm tra vị trí được cấp sổ quản lý vườn rừng với thực tế ngoài hiện trường xác định: Cơ bản trùng khớp với vị trí trên sổ quản lý vườn rừng do UBND huyện S cấp cho ông Giàng Xuân C2 và ông Hà Minh Q năm 1992. Về hiện trạng: Chủ yếu là rừng trồng cây S và Tống Quá S4. Tại biên bản làm việc ngày 07/8/2019, có đại diện Hạt kiểm lâm huyện S, đại diện Phòng T, đại diện Trung tâm phát triển quỹ đất huyện S, đại diện Ban quản lý Khu du lịch sinh thái Hàm Rồng, đại diện UBND xã L, đại diện UBND thị trấn S, đại diện UBND xã S tiến hành làm việc, kiểm tra ngoài thực địa vị trí thửa đất ông Q được cấp kết quả xác định: Vị trí thửa đất của ông Q trùng khớp với vị trí trên sổ quản lý vườn rừng, do UBND huyện S cấp năm 1992 cho ông Hà Minh Q diện tích 2,5 ha, trong đó có 2,288 ha trùng với diện tích đất đã cấp cho khu du lịch sinh thái H. Ngày 25/01/2021, ông Hà Minh Q tiếp tục có đơn trình báo về việc rừng thông của gia đình ông bị chặt phá. Ngày 10/3/2021, Hạt Kiểm lâm thị xã S đã tiến hành làm việc với hộ gia đình ông Q, để thống nhất biện pháp trồng lại rừng trên diện tích đất đã được cấp làm vườn rừng đã bị chặt phá. Tại buổi làm việc, các bên thống nhất: Hộ gia đình ông Q có trách nhiệm tổ chức trồng lại rừng trên diện tích đất được giao, thời gian dự kiến hoàn thành tháng 4/2021. Hạt Kiểm lâm sẽ cung ứng cấy cho gia đình ông Q để trồng rừng và phối hợp bảo vệ diện tích trồng rừng mới. Ngày 19/3/2021,

ông Q nhận 5000 cây thông Sa Mộc của Hạt Kiểm lâm thị xã S, để tiến hành trồng lại trên diện tích đất vườn rừng đã bị chặt phá. Ngày 20/3/2021, ông Q thuê người đưa cây lên trồng thì bị một số người dân tộc Mông đến ngăn cản, uy hiếp không cho ông Q trồng cây và nhổ hết số cây đã trồng. Ngày 28/02/2025, theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ tiến hành đo đạc trên thực địa theo chỉ dẫn của bị đơn, lồng ghép diện tích đất đo đạc gia đình ông S chỉ dẫn lên sơ đồ đo đạc hiện trạng, vị trí khu đất kèm theo biên bản làm việc ngày 07/8/2019 của Hạt kiểm lâm huyện S, đại diện Phòng T, đại diện Trung tâm phát triển quỹ đất huyện S, đại diện Ban quản lý khu du lịch sinh thái Hàm Rồng, đại diện UBND xã L, đại diện UBND thị trấn S, đại diện UBND xã S về việc kiểm tra, xác minh hồ sơ, hiện trạng sử dụng đất vườn rừng của ông Hà Minh Q tại Khu D, kết quả: Xác định tổng diện diện tích đất tranh chấp là 2.240m^2 phù hợp với vị trí, biên bản làm việc ngày 07/8/2019 của Hạt kiểm lâm huyện S. Tại thời thẩm định trên phần đất tranh chấp, phần lớn là đất trống chỉ còn lại 26 gốc Thông và 3 gốc cây Quá .

[3.5] Xét quan điểm của các đương sự: Xét thấy, quan điểm của nguyên đơn về quá trình sử dụng đất là phù hợp với mục đích sử dụng đất, phù hợp với lời khai của người làm chứng ông Nguyễn Tiến S5, ông Đỗ Tràng C3 và ông Giàng Xuân C2, phù hợp với các biên bản làm việc của các cơ quan chức năng và chính quyền địa phương, nên có căn cứ xác định nguyên đơn quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp đúng mục đích, ổn định và đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất và cấp sổ vườn từ năm 1992. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Thào A S cung cấp được xác nhận của một số người làm chứng, tuy nhiên những người làm chứng đều không xác định được cụ thể diện tích đất này có vị trí ở đâu, có phải diện tích đất đang tranh chấp với ông Hà Minh Q hay không. Ngoài ra, ông S cho rằng nguồn gốc đất tranh chấp là do bố mẹ ông khai phá từ năm 1938 trong khi bố mẹ ông mới được 3 đến 4 tuổi. Năm 1986, cho vợ chồng ông tiếp tục sử dụng khi vợ chồng ông mới 8 đến 9 tuổi là không hợp lý. Ngoài ra, ông S cũng khẳng địnhnăm 1993- 1994, Công ty Cổ phần D7 đến trồng cây thông vào trên phần diện tích đất tranh chấp, nhưng không có thông báo hay quyết định thu hồi đất gì, nên gia đình ông S vẫn tiếp tục canh tác bình thường, vẫn bảo vệ những cây mà được trồng cho đến khi cây lớn che phủ hết nương ngô, tạm thời không canh tác nữa, qua đó thể hiện việc canh tác sử dụng đất của ông S là không đúng mục đích, không phù hợp với quy hoạch đất trồng rừng. Ngoài lời khai trên, ông S không cung cấp được bất cứ bằng chứng pháp lý nào khác. Do vậy, có căn cứ nguyên đơn là người quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp đúng mục đích, ổn định, được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất và cấp sổ vườn từ năm 1992.

[3.6] Về yêu cầu của bị đơn đề nghị hủy Quyết định cấp đất vườn rừng số 22: Xét thấy, năm 1992, hộ gia đình ông Hà Minh Q được UBND huyện S (nay là thị xã S) cấp số quản lý vườn rừng. Hồ sơ cấp gồm có đơn xin cấp đất làm vườn rừng, Quyết định cấp đất làm vườn rừng và sơ đồ vườn rừng. Việc UBND huyện S (nay là thị xã S)giao đất cho hộ ông Hà Minh Q là phù hợp về thẩm quyền giao đất, trình tự theo quy định tại Điều 13 Luật đai 1987 và Quyết định số 184-HĐBT ngày 06/11/1982 của Hội đồng trưởng. Mặc dù hồ sơ cấp đất vườn rừng còn có sai sót về quyết định cấp đất vườn rừng không ghi ngày tháng cấp, nhưng như đã nhận định nêu trên, xác định diện tích đất tranh chấp không phải là của ông S, nên yêu cầu hủy quyết định hành chính là không có căn cứ. Sổ vườn rừng cấp cho hộ ông Hà Minh Q năm 1992, được thừa nhận bởi các cơ quan nhà nước như Hạt lâm huyện S, Ủy ban nhân dân một số xã của huyện S và hộ gia đình ông Q. Bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh quyền sử dụng hợp pháp của mình đối với diện tích đất tranh chấp, nên việc trưng cầu giám định là không cần thiết, cấp sơ thẩm không chấp nhận là có căn cứ.

[3.7]. Với các căn cứ nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hà Minh Q là có căn cứ.

[4]. Xét các căn cứ kháng cáo của bị đơn trình bày tại phiên tòa phúc thẩm là không sở, nên cấp phúc thẩm bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5]. Quan điểm của đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội là có cơ sở, được chấp nhận.

[6]. Về án phí: Ông Thào A S phải nộp phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Thào A S.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2025/DS-ST ngày 16 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

3. Về án phí: Ông Thào A S phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm. Đối trừ với số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí ông S đã nộp tại Biên lai thu số 0000083 ngày 12/6/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai).

4. Các quyết định khác của Bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VCT&KSXXPT tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Lào Cai;
- THADS tỉnh Lào Cai
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HSVA, PDSTP./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Đặng Đình Lực